

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 22-02-2022
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 17-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 157 ấp Ông Lễ, xã X, thị xã Y, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Đại B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Bình Tây 1, xã K, huyện L, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Trần Đại B.

(Ông B có mặt tại phiên tòa; bà A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2021 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Thị Kim A trình bày: Bà và ông Trần Đại B cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã Y, tỉnh Long An vào ngày 12/3/2014. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh

phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng không còn chung sống với nhau gần một năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Đại B.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015, hiện đang sống với bà A. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu C, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Đại B trình bày: Ông thống nhất với bà Bùi Thị Kim A về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà A yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015 hiện đang sống với bà A. Khi ly hôn ông cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu C, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 17-12-2021 của Toà án nhân dân huyện L đã căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim A với ông Trần Đại B.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Kim A với ông Trần Đại B.

2. Về nuôi con chung: Bà Bùi Thị Kim A được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015. Ông Trần Đại B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010298, ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 17/12/2021, ông Trần Đại B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý giao con chung cho bà A nuôi dưỡng; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung tên Bùi Trần Hoàng C cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Đại B không rút kháng cáo và trình bày như sau: Bà A bỏ bê con chung, không chăm lo cho con mà còn đi làm rồi ăn nhậu. Có lần ông đến thăm con, rước con đưa đi chơi thì bị bà A và gia đình bà A cản trở, gây khó khăn nên ông có báo cán bộ áp đến giải quyết nhưng cũng không được.

- Bà Bùi Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng tại “Tờ ý kiến và đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện: Bà hoàn toàn không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông B, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, bởi vì nếu giao con tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015 cho ông B nuôi thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu, ảnh hưởng đến việc học tập của cháu, hiện nay cháu C đang đi học lớp 1 Trường Nguyễn Văn Kiêu thị xã Y. Thật ra bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, hiện cháu C rất mến bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Trong thời kỳ hôn nhân bà A và ông B có 01 con chung tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015, hiện đang sống với bà A. Ông B kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà A làm nhân viên bán hàng có thu nhập mỗi tháng hơn 11.000.000 đồng, có đất và có nhà riêng. Ông B đang là chủ kinh doanh bán cá và kinh doanh cửa sắt, nhôm thu nhập hàng tháng hơn 20.000.000 đồng. Bà A và ông B đều có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, từ nhỏ cháu C đã ở bên ngoại được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay nếu thay đổi nơi sinh sống của cháu C sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu. Mặt khác, ông B trình bày bà A đi làm suốt ngày, nhậu nhẹt, bỏ bê không chăm sóc cháu C, không cho ông B thăm con, nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu C cần tiếp tục giao cháu C cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B được quyền thăm con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, kháng cáo của ông Trần Đại B không có cơ sở chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Đại B kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bà Bùi Thị Kim A đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt vì bận công việc nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà A.

[1.3] Theo xác nhận ngày 16/11/2021 của Công an xã K, huyện L thì bị đơn ông Trần Đại B đang cư trú tại xã K, huyện L, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa bà Bùi Thị Kim A và ông Trần Đại B là đúng quy định về thẩm quyền.

[1.4] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*Công nhận sự thuận tình ly hôn...*” là không chính xác mà cần tuyên “*Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn...*” vì bà A và ông B thống nhất ly hôn nhưng không thỏa thuận được vấn đề con chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014, quyển số 01/2014, ngày 12/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã X, thị xã Y, tỉnh Long An thì bà Bùi Thị Kim A và ông Trần Đại B là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Căn cứ vào Giấy khai sinh số 46/2015, quyển số 01/2015 thì bé Bùi Trần Hoàng C có cha là ông Trần Đại B và mẹ là bà Bùi Thị Kim A. Đồng thời, ông B và bà A khai thống nhất có 01 con chung tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015.

[2.2.2] Về mặt tinh thần: Ông B và bà A đều khai thống nhất từ khi sinh ra đến nay cháu C sinh sống bên gia đình bà A và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Do đó, trường hợp giao cháu C cho ông B nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống ban đầu và làm ảnh hưởng đến tinh thần của cháu. Mặt khác, hiện nay cháu C đang học lớp 1 tại địa phương bà A sinh sống.

[2.2.3] Về điều kiện vật chất: Ông B thừa nhận bà A hiện có nhà riêng, trong khi ông B còn sống chung với cha mẹ ruột. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 927484, BE 9274854 cùng ngày 20/10/2011 thì bà A là chủ sử dụng các thửa đất 403, diện tích 3.095m², thửa đất số 595, diện tích 7.756m², thửa đất số 504, diện tích 2.200m², cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Tuyên Thạnh, huyện L, tỉnh Long An, điều này chứng tỏ bà A có thể tạo điều kiện vật chất chăm lo cho cháu C tốt hơn ông B.

[2.2.4] Ngoài ra, ông B cho rằng cha mẹ ruột bà A chăm sóc cháu C, không phải bà A. Tuy nhiên, trường hợp thay đổi sang ông B trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì ông B cũng nhờ cha mẹ ruột chăm sóc cháu C khi ông B đi làm. Do đó, điều này không được chấp nhận là điều kiện giành quyền nuôi con chung. Hơn nữa, ông B cho rằng bà A ăn nhậu, bỏ bê con chung, cản trở không cho ông thăm

nom, rước con đi chơi nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh như đại diện Viện kiểm sát nhận định tại phiên tòa.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông Trần Đại B không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đại B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 17-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 148, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim A với ông Trần Đại B.

[1] Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Bùi Thị Kim A với ông Trần Đại B.

[2] Về nuôi con chung: Bà Bùi Thị Kim A được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Trần Hoàng C, sinh ngày 08/4/2015.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Trần Đại B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Kim A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010298, ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Long An.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc ông Trần Đại B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

300.000 đồng mà ông B đã tạm nộp theo biên lai thu số 00010317 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Long An.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh